

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 56/2018/HS-ST
Ngày 28 - 8 - 2018

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái.

2. Ông Trần Ngọc Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2017/HSST ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Tiên C, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1993 tại xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị L; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, “có mặt”.

Bị hại: Anh Nguyễn Đức B, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1961; cư trú tại: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; cư trú tại: Số nhà 18, đường N, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Đặng Văn D, “vắng mặt”.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lê Tiến C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Tiến C làm nghề thợ mộc làm thuê cho gia đình anh Nguyễn Đức B từ năm 2016. Do không có tiền chơi điện tử nên C nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của anh B đem đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/3/2018, C và Đặng Văn D ở thôn L, xã P, huyện B đi chơi điện tử về, C bảo D chở C đến nhà anh B để ngủ nhờ, do không biết mục đích của C đến nhà anh B trộm cắp tài sản nên D đồng ý rồi điều khiển xe mô tô của D đưa C đến cổng nhà anh B, sau đó D về nhà. C đứng trước cổng nhà anh B khoảng 5 phút, lúc này khoảng 21 giờ, C nhìn qua khe cánh cửa cổng thấy gia đình anh B đã tắt điện đi ngủ, trong sân có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu đã cũ Biển kiểm soát: 88L1-212.01, C trèo qua tường bao loan cao khoảng 02m vào sân nhà anh B, đi đến xe mô tô phát hiện thấy chìa khóa điện và chìa khóa cổng nhà vẫn cắm ở ổ khóa xe. C rút chìa khóa điện đến mở cổng, rồi quay lại dắt xe mô tô ra ngoài, khóa cổng lại như cũ sau đó nổ máy điều khiển xe đến một quán điện tử ở thôn L. Tại đây, C mượn điện thoại của chủ quán gọi cho D nhờ D thu xếp cho chỗ ngủ, D không đồng ý, C hẹn D gặp ở gốc cây đa thôn L, xã P thì D đồng ý. Sau đó khoảng 03 phút D điều khiển xe máy của D đến gặp C, thấy C đi xe máy D hỏi “xe máy của ai”, C trả lời “vừa lấy được của phó cả” (ý nói vừa lấy trộm được của anh B), D liền bảo C “mang trả xe cho anh B đi không công an tìm”, nhưng C không đồng ý mà rủ D đến nhà nghỉ T ở thôn T, xã T, huyện B thuê phòng ngủ qua đêm, D đồng ý. Cả hai đi đến nhà nghỉ T gặp anh Nguyễn Đình P là chủ nhà nghỉ thuê phòng 202 ngủ. Đến 06 giờ sáng ngày 30/3/2018, khi D còn đang ngủ, C dạy điều khiển xe mô tô trộm cắp của anh B đến cửa hàng mua bán, cầm đồ xe ô tô, xe máy của Nguyễn Văn T ở số 18, đường N, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Gặp anh T, C nói “cho em cầm xe”, T hỏi “có giấy tờ không”, C đáp “xe của nhà, bố em cầm đăng ký”. Do không biết tài sản do C trộm cắp mà có, nên anh T đã đồng ý cầm cố xe cho C với giá 3.000.000 đồng. C viết 01 giấy vay tiền có nội dung “do có công việc riêng có vay của anh T số tiền 3.000.000 đồng để giải quyết công việc cá nhân hẹn đến ngày 28/4/2018 hoàn trả đầy đủ số tiền trên”. Số tiền có được C đi đánh điện tử và tiêu sài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày 30/3/2018, anh B có đơn trình báo Công an xã P và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B. Quá trình điều tra đã xác định được Lê Tiến C là người trộm cắp xe mô tô của anh B. Cùng ngày 30/3/2018, ông Lê Văn C là bố đẻ của C đến cửa hàng của anh Nguyễn Văn T trả số tiền 3.000.000 đồng cho anh T, lấy xe mô tô giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Ngày 05/4/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã Quyết định trưng cầu định giá đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu đã cũ Biển kiểm soát: 88L1-212.01 mà Lê Tiến C đã trộm cắp. Tại Kết luận định giá tài sản số 20 ngày 18/4/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B đã kết luận chiếc xe mô tô trị giá 10.333.000 đồng.

Ngày 16/5/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu đã cũ Biển kiểm soát: 88L1-212.01 cho anh Nguyễn Đức B. Sau khi nhận lại tài sản anh B không có yêu cầu, đề nghị gì về bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 53/CT-VKSBX ngày 16/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Lê Tiến C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Tiến C về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Công từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo C cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Đức B không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về tội danh và mức hình phạt. Về bồi thường dân sự, anh B xác nhận đã nhận lại tài sản 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu đã cũ Biển kiểm soát: 88L1-212.01 do cơ quan điều tra trả lại. Anh không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ông Lê Văn C cũng không có ý kiến tranh luận gì. Đối với số tiền 3.000.000 đồng là tiền của ông đã trả cho anh Nguyễn Văn T (chủ cửa hiệu cầm đồ) để lấy chiếc xe mô tô ra, ông không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường số tiền trên.

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Tiến C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể như sau: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại nhà của anh Nguyễn Đức B thuộc thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, Lê Tiến C đã có hành vi lén lút trèo qua tường bao loan vào bên trong sân nhà và lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu đã cũ Biển kiểm soát: 88L1-212.01 đem đi cầm cố được số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Chiếc xe mô tô do bị cáo C trộm cắp trị giá 10.333.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác. Phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản xác minh, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản... Do đó

có đủ cơ sở để kết luận Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Lê Tiến C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự qui định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của người khác, lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô trị giá 10.333.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt một cách nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Xét thấy:

Bị cáo C là người chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã có thời gian phục vụ trong quân ngũ từ năm 2013 đến năm 2015, tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại. Do đó cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị tại phiên tòa là phù hợp nên cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành một công dân có ích cho xã hội.

Đối với Đặng Văn D là người biết C trộm cắp xe mô tô của anh B, D đã khuyên C đem trả lại tài sản nhưng C không đồng ý. Trong lúc D còn ngủ, C một mình đem xe đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân, D không được hưởng lợi từ số tiền C phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý đối với Đặng Văn D là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn T là người cầm cố chiếc xe mô tô nhưng không biết tài sản trên do C phạm tội mà có nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 3.000.000 đồng của ông Lê Văn C đã trả cho Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, ông C không yêu cầu bị cáo C phải trả lại ông số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu đã cũ Biển kiểm soát: 88L1-212.01. Ngày 16/5/2018, Cơ quan cảnh sát

điều tra Công an huyện B đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Đức B là phù hợp. Sau khi nhận lại tài sản anh B không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo Lê Tiến C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên của Cơ quan điều tra – Công an huyện B, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, lấy lời khai của bị can và những người tham gia tố tụng, kết luận điều tra, ban hành cáo trạng. Thời hạn điều tra, truy tố đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Tiến C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Tiến C 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Tiến C cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí.

Buộc bị cáo Lê Tiến C phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện KSND H.B;
- Viện KSND T.Vĩnh Phúc;
- Cơ quanĐT - Công an H.B;
- Cơ quan THAHS - Công an H.B;
- Cơ quan THADS H.B;
- UBND xã P, H.B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Anh Vũ